

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HS-PT
Ngày 25-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Các Thẩm phán:

Ông Trần Minh Châu

Ông Vũ Văn Lê

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 512/TLPT-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo Lê Văn T, Trần Minh T1, Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2, Huỳnh Văn S, Lê Văn M, Đỗ Minh T3, Nguyễn Hữu H, Trần Ngọc B do có Kháng nghị phúc thẩm số 38/QĐ-VKS ngày 19/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của các bị cáo Đỗ Minh T3, Nguyễn Hữu H, Trần Ngọc B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 267/2020/HS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1/Lê Văn T (tên khác: T Kiểng); Sinh ngày 02/5/1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Không có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Chỗ ở: 35/13 Đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông Lê Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Kim Ch; Có vợ tên Trần Thị Tr và có 01 con, con sinh năm 2016; Tiền sự: không;

Tiền án: 1/Tại bản án số 11/2006/HSST ngày 23/01/2006 của Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 2/Tại bản án số 227/2007/HSST ngày 14/9/2007 của Tòa án nhân dân

quận Thủ Đức xử phạt 05 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt với Bản án số 11/2006/HSST ngày 23/01/2006 của Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 06 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/7/2011; 3/Tại bản án số 142/2012/HSST ngày 12/6/2012 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/6/2015.

Nhân thân: 1/Tại bản án số 177/2000/HSST ngày 08/12/2000 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản”; 2/Tại bản án số 11/2004/HSST ngày 09/01/2004 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xử phạt 18 tháng tù giam, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/02/2005.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 11/01/2020 (có mặt).

2/Trần Minh T1 (tên khác: T1 Lý); Sinh ngày 18/8/1970 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 297/15 A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; con ông Trần Văn D (chết) và bà Võ Thị H; Có vợ tên Nguyễn Thị Diệu T và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993;

Tiền án: 1/Tại Bản án số 280/2012/HSST ngày 23/11/2012 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xử phạt 01 năm 03 tháng tù giam về tội “Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc”; 2/Tại Bản án số 158/2013/HSST ngày 09/8/2013 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “Tổ chức đánh bạc”, tổng hợp hình phạt với bản án số Bản án số 280/2012/HSST ngày 23/11/2012 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 02 năm 09 tháng tù giam. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/11/2014.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 11/01/2020 (có mặt).

3/Nguyễn Tuyết Tr (tên khác: Tr mập); Sinh ngày 16/9/1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 245/49B A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tài xế; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Nguyễn Thị Bạch T; có vợ tên Nguyễn Thị Thu T và có 01 con, con sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 11/01/2020 đến ngày 19/9/2020 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4/Nguyễn Quốc T2; Sinh ngày 07/4/1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 87/44/13 A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tài xế; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị H;

có vợ tên Nguyễn Ngọc Anh T và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 11/01/2020 đến ngày 20/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

5/Huỳnh Văn S; Sinh năm 1969 tại tỉnh Bến Tre; Thường trú: ấp A, xã B, Thành phố C, tỉnh C; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Huỳnh Văn N (chết) và bà Lâm Thị C (chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 11/01/2020 đến ngày 19/9/2020 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm.

Bị cáo tại ngoại (Vắng mặt).

6/Lê Văn M; Sinh năm 1963 tại tỉnh Bến Tre; Thường trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông Lê Văn N (chết) và bà Lê Thị L; có vợ và có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 11/01/2020 đến ngày 19/9/2020 được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm.

Bị cáo tại ngoại (Vắng mặt).

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/Đỗ Minh T3 (tên khác: Út); Sinh ngày 18/8/1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 82/14/8 A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Nhà không số (cạnh số 3/8) đường A, cư xá B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 01/12; Con ông Đỗ Minh N (chết) và bà Hồ Thị H; có vợ tên Triệu Thị Hồng D, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 131/2002/HSST ngày 22/10/2002 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xử phạt 20 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/3/2004.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 11/01/2020 đến ngày 20/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2/Nguyễn Hữu H; Sinh ngày 26/8/1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 154/5 A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 14A Khu tạm cư, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn

bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Nguyễn Hữu T và bà Dương Thị H; có vợ và có 01 con, con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 70/2008/HS-ST ngày 12/11/2008 của Tòa án nhân dân quận tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/7/2010.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 11/01/2020 đến ngày 20/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3/Trần Ngọc B; Sinh ngày 23/02/1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: E7/32A ấp 5, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Bùi Kiến T (chết) và bà Trần Thị L (chết); có vợ tên Lê Thị Ngọc P và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2008;

Tiền án: 1/Tại bản án số 160/2012/HSST ngày 02/7/2012 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; 2/Tại bản án số 236/2012/HSST ngày 25/10/2012 của TAND Quận 12 xử phạt 03 năm tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt với Bản án số 160/2012/HSST ngày 02/7/2012 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 06 năm 06 tháng tù giam. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2017.

Nhân thân: Tại bản án số 60/1996/HS-ST ngày 18/4/1996 của Tòa án nhân dân quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/7/1997.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 11/01/2020 đến ngày 20/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Ngoài ra còn có bị cáo: Phạm Minh T, Trần Minh T5, Trần Minh Q, Bùi Tuấn K, Nguyễn Văn T6, Phạm Thiết C, Phạm Văn M không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01/2020, Lê Văn T đứng ra tổ chức độ gà cho những người tham gia đá gà ăn tiền tại bãi đất trống hẻm 35, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, để thu 5% tiền xâu của

một lần cấp độ.

Khoảng 10 giờ ngày 11/01/2020, Tuấn gọi điện thoại cho Phạm Minh T4, Trần Minh T1, Nguyễn Tuyết Tr đem gà đến tham gia đá gà ăn tiền. T4 đi với người tên Vinh (chưa rõ lai lịch) đem theo một con gà Điều đến, T2 đem theo một con gà Xanh que và một con gà Xám đến, Tr đem theo một con gà Tía đến. T làm trọng tài cấp độ cho gà Điều của T4 và Vinh đá với gà Xanh que của T2 mỗi bên bỏ ra số tiền 35.000.000 đồng để thắng thua bằng tiền với nhau, cụ thể, phía gà Điều: V 17.000.000 đồng, T4 1.000.000 đồng, Nguyễn Hữu H 1.000.000 đồng, Nguyễn Tuyết Tr 750.000 đồng, Nguyễn Quốc T2 750.000 đồng, Phạm Văn M 1.000.000 đồng, Huỳnh Văn S 500.000 đồng, Đạt (chưa rõ lai lịch) 12.000.000 đồng và Tèo (chưa rõ lai lịch) 1.000.000 đồng. Phía gà Xanh que: Trần Minh T1 3.000.000 đồng, Trần Minh T5 19.000.000 đồng, Trần Minh Q 1.000.000 đồng, Trần Ngọc B 1.000.000 đồng, Bùi Tuấn K 400.000 đồng, Đỗ Minh T3 400.000 đồng, Lê Văn M 200.000 đồng, Nguyễn Văn T6 1.000.000 đồng, Phạm Thiết C 1.000.000 đồng và một số đối tượng chưa rõ.

Sau khi đá, gà Xanh que thua nên T1 thu toàn bộ bên thua được 30.000.000 đồng đưa cho Tuấn, thiếu lại Tuấn 5.000.000 đồng. Do chưa thu đủ tiền nên T chưa trả tiền cho bên thắng và chưa lấy tiền xâu. T để 30.000.000 đồng bên cạnh mình và tiếp tục làm trọng tài cấp độ cho gà Tía của Tr đá với gà Xám của T1 mỗi bên 3.000.000 đồng. Cụ thể, phía gà Tía: Tr 1.000.000 đồng, Quốc T3 1.500.000 đồng, S 500.000 đồng; phía gà Xám: T1 3.000.000 đồng.

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 11/01/2020, khi hai bên đã băng cựa xong, chuẩn bị thả gà cho đá thì bị Công an quận Thủ Đức vào kiểm tra bắt quả tang, thu giữ vật chứng, đưa tất cả về làm việc. Khi bị bắt T2, Vinh và các đối tượng bỏ chạy, Công an chỉ thu giữ được 5.800.000 đồng trong tổng số 30.000.000 đồng mà Tuấn thu được.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức, Lê Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Phạm Minh T4 mang theo số tiền 3.600.000 đồng đến để các độ đá gà ăn tiền thì gặp Vinh (chưa rõ lai lịch) là chủ gà Điều, Vinh kêu T4 băng cựa đá với gà Xanh que của T1, mỗi bên 35.000.000 đồng, T4 đặt 1.000.000 đồng phía gà Điều và thắng chưa lấy được tiền, tiếp tục băng cựa cho gà Tía của Tr đá với gà Xám của T1 mỗi bên 3.000.000 đồng, trận này T4 không đặt cược, chuẩn bị thả gà ra đá thì bị bắt quả tang, bị thu giữ số tiền 3.600.000 đồng.

Nguyễn Hữu H đi cùng với T4 đến đá gà ăn tiền, không mang theo tiền nhưng đặt cược gà Điều bên T4 1.000.000 đồng, nếu thua thì mượn tiền của T4 trả. Gà Điều thắng, H chưa lấy được tiền, chuẩn bị thả gà đá trận khác thì bị công an bắt quả tang. Khi bị bắt không thu giữ gì.

Nguyễn Tuyết Tr mang theo số tiền 4.000.000 đồng cùng gà Tía đến tham gia cá độ đá gà ăn tiền. Tr tham gia cá độ hai trận, trận thứ nhất Tr đặt cược theo gà Điều 750.000 đồng và thắng, chưa lấy được tiền. Trận thứ hai, Tr tiếp đặt cược cá độ gà Tía của Tr 1.000.000 đồng cùng với Quốc T2 1.500.000 đồng, S 500.000 đồng đá với gà Xám của T1 3.000.000 đồng, sau khi băng cựa chuẩn bị thả gà ra đá thì bị bắt quả tang và bị thu giữ 4.000.000 đồng.

Nguyễn Quốc T2 mang theo số tiền 2.500.000 đồng để cá độ đá gà ăn tiền, tham gia cá độ 02 trận, trận thứ nhất cá độ 750.000 đồng phía gà Điều và thắng, chưa lấy được tiền, tiếp tục đặt gà Tía của Tr 1.500.000 đồng. Chuẩn bị thả gà ra đá trận thứ hai thì bị bắt quả tang, thu giữ của T2 2.500.000 đồng dùng để đá gà.

Phạm Văn M mang theo số tiền 26.000.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.000.000 đồng để cá độ đá gà và chỉ tham gia cá độ ở trận thứ nhất, đặt 1.000.000 đồng phía gà Điều và thắng, chưa lấy được tiền, mọi người chuẩn bị thả gà đá độ khác thì bị bắt quả tang bị thu giữ của M 26.000.000 đồng.

Huỳnh Văn S mang theo số tiền 1.100.000 đồng để cá độ đá gà ăn tiền, tham gia các độ hai trận. Trận thứ nhất S đặt cược cá độ theo gà Điều số tiền 500.000 đồng và thắng, chưa lấy được tiền. Ở trận thứ hai S đặt tiền cá độ theo gà Tía 500.000 đồng, chuẩn bị thả gà ra đá thì bị bắt quả tang bị thu giữ 1.100.000 đồng.

Trần Minh T1 khai nhận đem gà Xanh que và gà Xám đến tham gia đá gà ăn tiền. T1 đặt 3.000.000 đồng cùng với T5 19.000.000 đồng, Q 1.000.000 đồng, B 1.000.000 đồng, K 400.000 đồng, U 400.000 đồng, M 200.000 đồng, Văn T5 1.000.000 đồng, C 1.000.000 đồng và một số đối tượng chưa rõ tổng cộng 35.000.000 đồng đá với gà Điều của V và T4 do T làm trọng tài. Gà của T1 thua, T1 thu của những người thua được 30.000.000 đồng đưa cho T, còn thiếu lại T 5.000.000 đồng. T1 tiếp tục dùng gà Xám đá với gà Tía của Tr mỗi bên 3.000.000 đồng, chuẩn bị thả gà ra đá thì bị bắt quả tang. Không thu giữ gì.

Trần Minh T5 mang theo số tiền 22.500.000 đồng để tham gia đá gà ăn tiền, đặt theo gà Xanh que 19.000.000 đồng và thua, đã trả tiền cho Tuấn. Khi mọi người chuẩn bị thả gà ra đá tiếp thì bị bắt quả tang. Thu giữ của T5 3.500.000 đồng.

Nguyễn Văn T6 mang theo số tiền 1.000.000 đồng để cá độ đá gà ăn tiền, đặt theo gà Xanh que 1.000.000 đồng và thua, đã trả tiền. Khi mọi người chuẩn bị thả gà ra đá tiếp thì bị bắt quả tang không bị thu giữ gì.

Trần Ngọc B mang theo số tiền 1.700.000 đồng để cá độ đá gà ăn tiền, đặt theo gà Xanh que 1.000.000 đồng và thua, đã trả tiền. Khi mọi người chuẩn bị thả gà ra đá tiếp thì bị bắt quả tang bị thu giữ của B 700.000 đồng.

Trần Minh Q mang theo số tiền 1.000.000 đồng để cá độ đá gà ăn tiền, đặt theo gà Xanh que 1.000.000 đồng và thua, đã trả tiền. Khi mọi người chuẩn bị thả gà ra đá tiếp thì bị bắt quả tang không bị thu giữ gì.

Đỗ Minh T3 mang theo số tiền 3.200.000 đồng để cá độ đá gà ăn tiền, đặt theo gà Xanh que 400.000 đồng và thua, đã trả tiền. Khi mọi người chuẩn bị thả gà ra đá tiếp thì bị bắt quả tang bị thu giữ 2.800.000 đồng dùng để cá độ.

Bùi Tuấn K khai nhận đem theo 2.800.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 400.000 đồng để cá độ, đặt theo gà Xanh que 400.000 đồng và thua, đã trả tiền. Khi mọi người chuẩn bị thả gà ra đá tiếp thì bị bắt quả tang bị thu giữ số tiền 2.400.000 đồng.

Lê Văn M mang theo số tiền 400.000 đồng để cá độ đá gà ăn tiền, đặt theo gà Xanh que 200.000 đồng và thua, đã trả tiền. Khi mọi người chuẩn bị thả gà ra đá tiếp thì bị bắt quả tang, bị thu giữ 200.000 đồng.

Phạm Thiết C mang theo số tiền 2.100.000 đồng để cá độ đá gà ăn tiền, đặt theo gà Xanh que 1.000.000 đồng và thua, đã trả tiền. Khi mọi người chuẩn bị thả gà ra đá tiếp thì bị bắt quả tang, bị thu giữ số tiền 1.100.000 đồng.

Tại Bản án số: 267/2020/HS-ST ngày 19-9-2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Tuyên bố các bị cáo Phạm Minh T4, Trần Minh T1, Nguyễn Tuyết Tr, Trần Minh T5, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Quốc T2, Phạm Văn M, Huỳnh Văn S, Nguyễn Văn T6, Trần Minh Q, Lê Văn M, Trần Ngọc B, Đỗ Minh T3, Bùi Tuấn K, Phạm Thiết C phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2020.

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc B 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ những ngày bị tạm giữ trước từ ngày 11/01/2020 đến ngày 20/01/2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T3 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ những ngày bị tạm giữ trước từ ngày 11/01/2020 đến ngày 20/01/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam. Bị cáo được trừ những ngày bị tạm giữ trước từ ngày 11/01/2020 đến ngày 20/01/2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T2 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn M 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuyết Tr 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn S 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam gồm: Nguyễn Tuyết Tr, Huỳnh Văn S, Lê Văn M nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Ngoài ra Bản án còn tuyên xử hình phạt tù đối với bị cáo Bùi Tuấn K, Trần Minh Q, Trần Minh T5, xử hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo Phạm Minh T4, Nguyễn Văn T6, Phạm Minh M, Phạm Thiết C, cùng về tội “Đánh bạc”, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và giải thích chế định án treo.

Ngày 19/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị phúc thẩm số 38/QĐ-VKS kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 267/2020/HSST ngày 19/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo hướng áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn T, Trần Minh T1, Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2 và Huỳnh Văn S; Không áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2 và Huỳnh Văn S; Giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Lê Văn M.

Ngày 21/9/2020, bị cáo Trần Ngọc B có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 22/9/2020, bị cáo Đỗ Minh T3 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 25/9/2020, bị cáo Nguyễn Hữu H có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Bắc, Tuấn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên. Bị cáo Hiếu thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc”, các bị cáo Trần Minh T1, Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2, Huỳnh Văn S, Đỗ Minh T3, Trần Ngọc B, Nguyễn Hữu H về tội “Đánh bạc” là có căn cứ đúng người, đúng tội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt không áp dụng tình tiết “phạm tội từ 02 lần trở lên” đối với các bị cáo Lê Văn T, Trần Minh T1, Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2, Huỳnh Văn S là chưa phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị số 38/QĐ-VKS ngày 29/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết “phạm tội từ 02 lần trở lên” đối với các bị cáo Lê Văn T, Trần Minh T1, Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2 và không cho các bị cáo Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2 được hưởng án treo. Đồng thời giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Văn M. Riêng bị cáo Huỳnh Văn S đã bỏ đi khỏi địa phương nên không tiến hành được việc giao Quyết định kháng nghị. Do đó, đại diện Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị phúc thẩm đối với bị cáo Sơn để thực hiện kháng nghị giám đốc thẩm.

Đối với kháng cáo của các bị cáo Đỗ Minh T3, Trần Ngọc B, Nguyễn Hữu H, xét mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt là phù hợp, các bị cáo là người có nhân thân xấu nên cần có mức án nghiêm mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T3, B, H.

Các bị cáo không tự bào chữa và không tham gia tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng nghị phúc thẩm số 38/QĐ-VKS ngày 29/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ Minh T3, Trần Ngọc B, Nguyễn Hữu H về nội dung quyền kháng cáo, kháng nghị và thời hạn kháng cáo, kháng nghị thực hiện đúng quy định của

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an quận Thủ Đức, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, kiểm sát viên, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sở thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Đối với sự vắng mặt của bị cáo Huỳnh Văn S, Lê Văn M tại phiên tòa phúc thẩm. Xét, các bị cáo Sơn, Mười đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án căn cứ Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo Sơn, Mười theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần nội dung kháng nghị phúc thẩm đối với bị cáo Huỳnh Văn S, vì Quyết định kháng nghị chưa được gửi cho bị cáo Sơn theo quy định tại Điều 138; Điều 338 của Bộ luật Tố tụng hình sự, việc xét xử phúc thẩm theo kháng nghị của Viện kiểm sát là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo Sơn. Xét, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần nội dung kháng nghị đối với bị cáo Huỳnh Văn S, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị khác nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị liên quan đến bị cáo Huỳnh Văn S.

[5] Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Từ khoảng tháng 01/2020 Lê Văn T bắt đầu sử dụng bãi đất trống tại hẻm 35 khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức để tổ chức trường đá gà được thua bằng tiền cho người chơi bạc nhằm thu tiền xâu 5% trên số tiền thắng bạc. Mỗi ngày, Tuần tổ chức từ 02 đến 03 trận gà, thu lợi bất chính từ 300.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 11/01/2020, T tổ chức trận gà thứ nhất giữa gà Điều của Trần Minh T4 với gà Xanh que của Trần Minh T1 đá xỏ mỗi bên 5.000.000 đồng và đá hàng xáo mỗi bên 30.000.000 đồng. Cụ thể, đặt cược phía gà Điều gồm: đối tượng tên Vinh (chưa rõ lai lịch) 17.000.000 đồng; Phạm Minh T4 1.000.000; Nguyễn Hữu H 1.000.000 đồng; Nguyễn Tuyết Tr 750.000 đồng; Nguyễn Quốc T2 750.000 đồng; Phạm Văn M 1.000.000 đồng; Huỳnh Văn S 500.000 đồng; đối tượng tên Đạt (chưa rõ lai lịch) 12.000.000 đồng và đối tượng tên Tèo (chưa rõ lai lịch) 1.000.000 đồng. Đặt

cược phía gà Xanh que gồm: Trần Minh T1 3.000.000 đồng; Trần Minh T5 19.000.000 đồng; Trần Minh Q 1.000.000 đồng; Bùi Tuấn K 400.000 đồng; Đỗ Minh T3 400.000 đồng; Lê Văn M 200.000 đồng; Nguyễn Văn T6 1.000.000 đồng; Phạm Thiết C 1.000.000 đồng và các đối tượng khác chưa rõ lai lịch. Sau khi thả gà ra đá, kết quả gà Xanh que thua nên T1 thu toàn bộ tiền bên thua được 30.000.000 đồng đưa cho T, thiếu lại 5.000.000 đồng. Do chưa đủ tiền nên T chưa chung cho bên thắng. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, T tiếp tục tổ chức trận gà thứ hai giữa gà Tía của Nguyễn Tuyết Tr với gà Xám của Trần Minh T1 đá xô mỗi bên 3.000.000 đồng, tham gia đặt cược phía gà Tía gồm: Nguyễn Tuyết Tr 1.000.000 đồng; Nguyễn Quốc T2 1.500.000 đồng; Huỳnh Văn S 500.000 đồng. Khi các bên đã băng cựa xong, chuẩn bị thả gà ra đá thì bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang thu giữ tại trường gà số tiền 5.800.000 đồng.

Căn cứ hướng dẫn tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đây là trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau nên số tiền được xác định dùng vào việc đánh bạc của trận đá gà thứ nhất là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng; số tiền dùng vào việc đánh bạc của trận đá gà thứ hai là 6.000.000 (sáu) triệu đồng. Bản án sơ thẩm số 267/2020/HS-ST ngày 19-9-2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã áp dụng điểm d khoản 2 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Lê Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc”; áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Minh T1, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 đối với các bị cáo Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2, Huỳnh Văn S, Lê Văn M, Đỗ Minh T3, Trần Ngọc B, Nguyễn Hữu H, để xử phạt các bị cáo về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về nội dung quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[6.1] Đối với các bị cáo Trần Minh T1, Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2 tham gia đánh bạc 02 trận đá gà, số tiền dùng vào việc đánh bạc của mỗi trận đều trên 5.000.000 đồng. Tuy nhiên khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hành vi “Đánh bạc” của các bị cáo diễn ra liên tục kế tiếp nhau tại một thời điểm nên chỉ xem là 01 lần đánh bạc và không áp dụng tình tiết “phạm tội từ 02 lần trở lên” đối với các bị cáo, đồng thời áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho các bị cáo Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2 được hưởng án treo là chưa phù hợp với hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010; khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6.2] Đối với bị cáo Lê Văn T có hành vi tổ chức 02 trận đá gà. Tuy

nhien, trận đá gà thứ hai có số người tham gia đánh bạc và số tiền dùng vào việc đánh bạc chưa thỏa mãn cấu thành cơ bản của tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên không đủ cơ sở áp dụng tình tiết “phạm tội từ 02 lần trở lên” đối với bị cáo Lê Văn T. Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hành vi tổ chức đánh bạc của Lê Văn T tại trận đá gà thứ hai có dấu hiệu đồng phạm của tội “Đánh bạc”. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo Lê Văn T chỉ có hành vi tổ chức đánh bạc cấp kèo đá gà giữa các chủ gà, làm biếng và trọng tài để thu tiền xâu hưởng lợi bất chính mà không có hành vi “đánh bạc” với người chơi khác. Xét, bị cáo đã bị xử phạt về tội “Tổ chức đánh bạc” là tội phạm nặng hơn nên Hội đồng xét xử áp dụng có lợi cho bị cáo, không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Văn T về đồng phạm của tội “Đánh bạc”.

[6.3] Đối với bị cáo Lê Văn M sử dụng số tiền 200.000 đồng đặt cược trận đá gà thứ nhất giữa gà Điều của Trần Minh T4 với gà Xanh que của Trần Minh T1, tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của trận gà là 70.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo M là có căn cứ, đúng pháp luật. Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 38/QĐ-VKS ngày 29/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định bị cáo Lê Văn M phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là không phù hợp. Tuy nhiên, xét bị cáo M “phạm tội nhưng gây thiệt hại lớn” nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên có cơ sở để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình sự như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6.4] Đối với các bị cáo Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2 mặc dù các bị cáo không có kháng cáo. Tuy nhiên, xét các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, hiện là lao động chính trong gia đình; các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền không lớn, tiền thắng bạc chưa được biếng gà chung chỉ nên các bị cáo chưa thu lợi bất chính. Trận gà thứ hai mặc dù các bị cáo đã thực hiện việc cấp độ, băng cựa gà nhưng chưa thả gà ra đá, chưa có kết quả thắng thua nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[6.5] Xét, các bị cáo Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2, Lê Văn M có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, số tiền tham gia đánh bạc không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quyết định mức hình

phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Tr, T2 và M.

[7] Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Đỗ Minh T3; Trần Ngọc B, Nguyễn Hữu H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, nên mức hình phạt 03 năm tù đối với mỗi bị cáo là thỏa đáng, không nặng. Các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không trình bày được tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét. Mặt khác, bị cáo Trần Ngọc B phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”, các bị cáo Đỗ Minh T3, Nguyễn Hữu H là người có nhân thân xấu, bị cáo Tuấn từng bị kết án về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Hiếu từng bị kết án về hành vi “Cướp giật tài sản”; xét tính chất, mức độ của tội phạm mà các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu H, Đỗ Minh T3 và Trần Ngọc B; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng tình tiết “phạm tội từ hai lần trở lên” đối với các bị cáo Trần Minh T1, Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2, sửa bản án sơ thẩm không cho các bị cáo Trung, Tiến được hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trung, Tiến và Mười.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Các bị cáo Nguyễn Hữu H, Đỗ Minh T3 và Trần Ngọc B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Lê Văn T, Trần Minh T1, Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2, Huỳnh Văn S và Lê Văn M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Huỳnh Văn S.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu H, Đỗ Minh T3 và Trần Ngọc B.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 38/QĐ-VKS

ngày 29/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2020.

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Minh T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T2 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 11/01/2020 đến ngày 20/01/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuyết Tr 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 11/01/2020 đến ngày 19/9/2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Văn M 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phú Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc B 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ những ngày bị tạm giữ trước từ ngày 11/01/2020 đến ngày 20/01/2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T3 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ những ngày bị tạm giữ trước từ ngày 11/01/2020 đến ngày 20/01/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam. Bị cáo được trừ những ngày bị tạm giữ trước từ ngày 11/01/2020 đến ngày 20/01/2020.

Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu H, Đỗ Minh T3 và Trần Ngọc B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Lê Văn T, Trần Minh T1, Nguyễn Tuyết Tr, Nguyễn Quốc T2, Huỳnh Văn S và Lê Văn M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND thành phố Thủ Đức; (2)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (9)
- THADS thành phố Thủ Đức; (1)
- TAND thành phố Thủ Đức; (2)
- Công an thành phố Thủ Đức; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (27) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang